

BIỆN PHÁP XÁC MINH, THU THẬP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

THÁI VĂN ĐOÀN*

Tóm tắt: Trong tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, phát hiện vi phạm để thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm (sau đây gọi chung là kháng nghị) trên cơ sở bản án, quyết định của Tòa án và hồ sơ do Tòa án lập trong quá trình giải quyết. Song trong nhiều trường hợp, để làm rõ những căn cứ của việc kháng nghị hoặc theo yêu cầu của đương sự, Viện kiểm sát (VKS) phải trực tiếp xác minh thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm sáng tỏ vấn đề còn chưa rõ hoặc có sự mâu thuẫn. Tuy nhiên, các quy định pháp luật liên quan đến các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS để phục vụ cho công tác kháng nghị này có những hạn chế, khó khăn gì và giải quyết cho vấn đề này như thế nào. Bài viết dưới đây sẽ phân tích vấn đề này.

Từ khóa: Thu thập chứng cứ; Viện kiểm sát; tố tụng dân sự; kháng nghị

Ngày nhận bài: 27/5/2024; Biên tập xong: 15/11/2024; Duyệt đăng: 18/02/2025

MEASURES FOR VERIFICATION AND COLLECTION OF DOCUMENTS AND EVIDENCE BY THE PEOPLE'S PROCURACY IN CIVIL PROCEEDINGS: CURRENT SITUATION AND RECOMMENDATIONS

Abstract: In civil proceedings, the People's Procuracy performs the function of supervising the observance of the law and detecting legal violations in order to exercise its rights to protest by way of appellate, cassation, or reopening procedures (hereinafter referred to as protest) - based on court judgments, decisions, and case files prepared by the Court during adjudication. However, in many cases, in order to clarify the grounds for an appeal or upon the request of involved parties, the Procuracy must directly conduct verification and collect additional documents and evidence to resolve unclear or contradictory issues. Nevertheless, the legal provisions governing the Procuracy's authority and procedures for such verification and evidence collection remain limited and problematic. This article will analyze these issues.

Keywords: Evidence collection; the People's Procuracy; civil procedure; protest

Received: May 27, 2024; **Editing completed:** Nov 15, 2024; **Accepted for publication:** Feb 18, 2025

1. Quy định của pháp luật về các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát và thực trạng áp dụng

1.1. Quy định của pháp luật về các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát

Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn: "Trực tiếp kiểm sát; xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp" (điểm d, khoản 3 Điều 4). Thẩm quyền này được xác định cụ thể trong lĩnh vực tố tụng dân sự tại khoản 6 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015: "VKS thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị

theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm". Một số Điều luật liên quan tại Chương VII của BLTTDS năm 2015 về chứng cứ, chứng minh quy định rõ các biện pháp VKS tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Cụ thể là:

Biện pháp thứ nhất, "việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật Giám định tư pháp" (khoản 5 Điều 102 BLTTDS về trưng cầu giám định, yêu cầu giám định).

* Email: Doantv10@gmail.com

Thạc sĩ, Kiểm sát viên cao cấp Vụ 10, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Biện pháp thứ hai, “trường hợp VKS có yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này” (khoản 4 Điều 106 BLTTDS về yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ).

Triển khai thi hành BLTTDS năm 2015 trong ngành Kiểm sát nhân dân, Quy chế công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự (ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-VKSTC ngày 02/10/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao) quy định khi kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, VKSND có một trong các nhiệm vụ, quyền hạn: “...Tự mình xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc thực hiện quyền kháng nghị” (khoản 3 Điều 4). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về “Chứng minh và chứng cứ”¹ của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, tại khoản 6 Điều 12 có nêu: “Trường hợp VKS thu thập chứng cứ bằng việc yêu cầu đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ (cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng) chỉ được Tòa án chấp nhận nếu việc thu thập chứng cứ đó được thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS và hướng dẫn của VKSND tối cao bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm”.

1.2. Thực trạng áp dụng

Thực tế quá trình xem xét kháng nghị, nhất là kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, VKS cũng gặp không ít trường hợp phải tiến hành xem xét tại chỗ hiện trạng tài sản tranh chấp trong vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại, nhất là tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tranh chấp hợp đồng tín dụng có sử dụng biện pháp bảo đảm là thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, do đương sự đề nghị xem xét về

đối tượng tranh chấp là tài sản nêu trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khác với tài sản trên thực tế, như trong bản án chỉ thể hiện diện tích đất tranh chấp, nhưng thực tế có nhà trên đất hoặc nhà đất trong bản án là của ông A nhưng thực tế đang do ông B chiếm giữ, quản lý, sử dụng; trường hợp khác, VKS phải xác minh tại Công an cấp xã về việc còn thiếu thành viên hộ gia đình tham gia ký kết các hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình; hoặc trường hợp ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp, tặng cho...; đương sự cho rằng có chữ ký giả, đề nghị VKS trưng cầu giám định... Biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ được VKS sử dụng nhiều nhất là yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ (khoản 4 Điều 106 BLTTDS), như ban hành văn bản hoặc trực tiếp làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ... Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ này của VKS để giải quyết đơn đề nghị theo hai hướng:

Một là, VKS xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để kháng nghị

Qua việc thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề mà bản án, quyết định trước đó nhận định, đánh giá không đúng, hoặc giải quyết mâu thuẫn trong lời khai của đương sự, nhất là mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn, bị đơn theo hướng khác với bản án, quyết định đã nhận định và quyết định phán xét... để xem xét quyết định việc kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Thực tế cho thấy, nhiều trường hợp VKS tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ (bổ sung) để bảo đảm cho việc kháng nghị, thể hiện tính tích cực, trách nhiệm và có tính thuyết phục cao hơn, tỷ lệ kháng nghị được Tòa án chấp nhận nhiều hơn so với những vụ việc tương tự nhưng không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ.

Ví dụ, vụ án “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T với bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Th.

¹ Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng BLTTDS năm 2004, đến hết ngày 30/6/2016, BLTTDS năm 2004 đã hết hiệu lực, về nguyên tắc Nghị quyết này cũng hết hiệu lực. Tuy nhiên, do chưa có Nghị quyết mới hướng dẫn thay thế nên Nghị quyết này vẫn còn giá trị tham khảo hướng dẫn đối với những nội dung quy định tương tự của BLTTDS năm 2015.

Nội dung vụ án: Quá trình Công ty TNHH tư vấn thiết kế thi công xây dựng T thi công xây dựng công trình Nhà hàng tiệc cưới MT trên đường Giải Phóng, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh ĐL với tổng giá trị là 2.974.000.000 đồng, bị đơn mới thanh toán được 2.703.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán 271.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không đồng ý vì cho rằng chất lượng công trình không bảo đảm. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu thanh toán số tiền 271.000.000 đồng còn lại nêu trên. Quá trình giải quyết, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện KP và Bản án dân sự phúc thẩm số 70/2018/DS-PT ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐL tuyên chấp nhận phần lớn yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền 201.000.000đ tiền thi công xây dựng công trình.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bị đơn có đơn đề nghị VKSND cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên. Quá trình xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, VKS nhận thấy một trong những chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án này là việc xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng chất lượng công trình xây dựng Nhà hàng tiệc cưới MT do nguyên đơn thi công, xây dựng để làm cơ sở cho việc thanh toán và giải quyết vụ án của Tòa án, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm thu thập đầy đủ. Theo yêu cầu của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng, đương sự đã trực tiếp làm việc với Văn phòng Thừa phát lại ĐL lập vi bằng ghi nhận hiện trạng Nhà hàng tiệc cưới MT sau thi công, kết quả xác định như sau: *“Hiện trạng sứt, lún, gạch vỡ tại góc bên phải từ ngoài cổng chính vào, gạch ốp tường bị bong tróc, có hiện tượng xi măng nứt (sát thêm ảnh chính). Tầng hầm có hiện tượng thấm nước, tường mốc, ẩm ướt và đọng nước dưới nền gạch... Tầng 1 (khu Karaoke) gạch ốp chân tường bị bong rơi ra ngoài... Tầng 2: hai trụ trang trí giữa sảnh chính có vết nứt ngang giữa trụ... bên ngoài sảnh chính ngoài vào có 06 vết nứt trên tường... Tầng 3: góc phải sân khấu gạch ốp chân tường bị mất... Tường phía bên hông phải nhà hàng có xuất hiện nhiều vết*

nứt kéo dài ở vị trí tầng 1 và tầng 2”, kèm theo 12 hình ảnh và 04 video để chứng minh. Đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp trong giai đoạn giám đốc thẩm này thể hiện rõ việc Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét chứng cứ một cách đầy đủ về chất lượng công trình, chưa xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng đã nhận định công trình đã được đưa vào sử dụng và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là chưa đủ cơ sở, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 124/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 16/11/2018, đề nghị huỷ bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ kháng nghị².

Hai là, VKS xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, thấy không đủ cơ sở để kháng nghị nên đã ban hành thông báo không kháng nghị

Không phải trường hợp nào VKS cũng xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ dẫn đến việc quyết định kháng nghị, mà trong nhiều trường hợp khác, sau khi xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, thấy rằng càng có cơ sở khẳng định bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự (bị đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) có căn cứ, đúng pháp luật, đầy đủ và toàn diện, hoặc có những vi phạm nhưng không đáng kể, nhất là những vi phạm không đáng kể về tố tụng, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết, nếu có kháng nghị cũng không làm thay đổi được bản chất của vụ án, thì VKS sẽ quyết định không kháng nghị.

Ví dụ, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S và ông V. Nhà đất tại 155 Âu Cơ, L, thành phố Đ có diện tích 1.292m², đứng tên bà Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 34040222066 do UBND thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004. Ngày 05/8/2005, bà Đ ủy quyền cho bà N được quyền: *Thế chấp,*

² Quyết định giám đốc thẩm số 28/2019/DS-GĐT ngày 30/5/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, vụ án này do tác giả với tư cách là Kiểm sát viên đã trực tiếp báo cáo đề xuất thu thập tài liệu, chứng cứ, đề xuất Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 124/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 16/11/2018 và đã bảo vệ thành công kháng nghị.

chuyển nhượng đối với tài sản nêu trên, thông báo việc thực hiện công việc thuộc phạm vi ủy quyền, đồng thời giao toàn bộ số tiền thu được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Hợp đồng này được công chứng chứng nhận. Tuy nhiên, bà N không thể chấp, chuyển nhượng và giao tiền cho bà Đ mà lại tặng cho nhà, đất nêu trên cho ông L (chồng bà N) ngày 26/8/2005. Ngày 03/01/2008, bà N, ông L lại ủy quyền cho bà H thế chấp vay vốn ngân hàng, ngày 20/3/2008, bà H ký hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba số 100/08/TC.SHBDN để đảm bảo khoản vay 1.000.000.000 đồng của ông V theo Hợp đồng tín dụng số 247/08/SHBDN/HĐTD, ngày 20/5/2008. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng S đã khởi kiện ông V yêu cầu thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Bản án sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên: *Buộc ông V phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với đất và tài sản gắn liền với nhà đất tại 155 Âu Cơ, thành phố Đ.* Bản án phúc thẩm số 18/2018/KDTM-PT ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó, Ngân hàng S có đơn đề nghị VKSND tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên. Qua nghiên cứu hồ sơ, VKSND tối cao thấy rằng theo Báo cáo kết quả xác minh ngày 22/8/2011 của Công an thành phố Đ: *Bà N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt nhà đất của bà Đ, có dấu hiệu tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* và Công an thành phố Đ sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, nhưng tại hồ sơ do Tòa án thu thập chưa có kết quả điều tra của Công an thành phố Đ. Trường hợp có dấu hiệu hình sự thì phải kháng nghị để hủy kết quả giải quyết vụ án theo thủ tục dân sự để chuyển xử lý hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, VKSND tối cao đã có Công văn số 16/YC-VKS-KDTM ngày 23/7/2021 yêu cầu Công an thành phố Đ cung cấp chứng cứ. Công an thành phố Đ có Báo cáo số 918/BC-VPCQCSĐT ngày 31/8/2021 cung cấp kết quả giải quyết tin báo, tố giác tội phạm

và tài liệu chứng cứ kèm theo, kết quả như sau: Quá trình điều tra, thấy không có sự việc phạm tội, ngày 24/10/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 10/CQĐT. Ngày 17/11/2011, VKSND thành phố Đ có Công văn số 215/VKS-P1 thống nhất việc không khởi tố. Từ đó, VKSND tối cao (Vụ 10) đã ban hành Thông báo không kháng nghị số 225/TB-VKSTC-KDTM ngày 27/9/2021 trả lời cho đương sự về kết quả giải quyết đơn.

2. Những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự về các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát phục vụ cho công tác kháng nghị

Mặc dù BLTTDS năm 2015 đã quy định một số biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS nhưng còn nhiều biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa được quy định một cách rõ ràng về thẩm quyền của VKS, gây ra nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau. Cụ thể là:

Ngoài 02 biện pháp VKS thu thập tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 5 Điều 102 BLTTDS về trưng cầu giám định, yêu cầu giám định và khoản 4 Điều 106 BLTTDS về yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ như đã nêu trên; các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ khác quy định tại các điều khác từ Điều 98 đến Điều 106 BLTTDS năm 2015 (như biện pháp lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, trưng cầu giám định, định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự...) không quy định rõ VKS thu thập tài liệu, chứng cứ bằng biện pháp nào mà chỉ quy định cụ thể thẩm quyền của Tòa án. Tại Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 nêu trên cũng đã đề cập đến *“hướng dẫn của VKSND tối cao bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm”*. Tuy nhiên, việc hướng dẫn này cũng chưa được ban hành cụ thể.

Như vậy, vấn đề đặt ra là, để phục vụ cho công tác kháng nghị, VKS có thẩm quyền

ghi lời trình bày của đương sự không, nhất là trong trường hợp những người yếu thế, người không biết chữ, người già yếu, người bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, họ không thể tự khai báo, trình bày được? VKS có quyền trưng cầu giám định lần đầu chữ viết, chữ ký, chất lượng hàng hoá, chất lượng công trình, trưng cầu định giá tài sản không (đặc biệt trong các trường hợp bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công, lợi ích của người thứ ba)? Các quy định chung chung như vậy dẫn đến có ba quan điểm khác nhau về các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, VKS chỉ được thu thập tài liệu, chứng cứ để phục vụ việc kháng nghị trong những biện pháp cụ thể mà BLTTDS quy định, cụ thể là khoản 5 Điều 102 và khoản 4 Điều 106 BLTTDS nêu trên, vì cơ quan Nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép.

Quan điểm thứ hai cho rằng, để bảo đảm cho việc kháng nghị, VKS có quyền sử dụng tất cả 09 biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS để thu thập tài liệu, chứng cứ, mà không bị hạn chế bởi 02 biện pháp nêu trên, vì không có quy định nào hạn chế việc thu thập tài liệu chứng cứ của VKS, miễn là việc thu thập này hợp pháp, công khai.

Quan điểm thứ ba cho rằng, tùy từng trường hợp kháng nghị phúc thẩm hay giám đốc thẩm, tái thẩm mà VKS có thẩm quyền lựa chọn biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ thích hợp; đối với trường hợp kháng nghị phúc thẩm, do tính chất của kháng nghị và thời gian ngắn theo quy định tại Điều 280 BLTTDS, VKS chỉ có thể lựa chọn biện pháp thu thập chứng cứ cho kết quả nhanh gọn, như yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu chứng cứ, hướng dẫn đương sự làm văn bản trình bày trong trường hợp đương sự làm việc trực tiếp ở trụ sở VKS, không sử dụng những biện pháp phải đợi kết quả trong thời gian dài như trưng cầu giám định, trưng cầu định giá tài sản... Còn trong giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm, do tính chất và thời gian giải quyết dài theo quy định tại Điều 327 và Điều 334 BLTTDS, ngoài hai biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 5 Điều 102 BLTTDS và khoản

4 Điều 106 BLTTDS nêu trên, trong một số trường hợp mà luật chuyên ngành cho phép, ví dụ Luật Giám định tư pháp... thì VKS có trách nhiệm, quyền hạn trong việc sử dụng các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ thích hợp để bảo đảm kháng nghị.

Quan điểm của tác giả nghiêng về quan điểm thứ ba. Trong những trường hợp thật sự cần thiết và theo các quy định của BLTTDS và quy định của pháp luật chuyên ngành, VKS có thẩm quyền sử dụng biện pháp thu thập chứng cứ bằng cách ghi lời trình bày của những người yếu thế, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, tiến hành một số biện pháp thích hợp khác xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ... để bảo đảm kháng nghị, nhất là kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, vì nguyên tắc của tố tụng dân sự là làm rõ sự thật khách quan, xác định đúng bản chất của vụ án. Còn đối với kháng nghị phúc thẩm, việc kháng nghị của VKS thường theo hướng chỉ ra những thiếu sót, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm khi chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khi ra bản án, quyết định sơ thẩm, chưa tiến hành biện pháp đối chất để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự... chứ VKS không quá chú trọng vào việc thu thập tài liệu, chứng cứ do thời gian bị hạn chế. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể nên thực tế có sự vận dụng khác nhau, như việc thu thập tài liệu, chứng cứ có nơi lập biên bản ghi nhận lời trình bày của đương sự, có trường hợp lập biên bản làm việc, việc xem xét thẩm định tại chỗ có trường hợp lập biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, có trường hợp chỉ lập biên bản làm việc ghi nhận hiện trạng tài sản hoặc đối tượng tranh chấp. Thực trạng trên dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất, ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát hiện vi phạm để thực hiện quyền kháng nghị.

3. Một số giải pháp, kiến nghị

Từ thực trạng và những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị, tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị như sau:

Một là, trên cơ sở quy định của BLTTDS hiện hành, để bảo đảm cho việc thống nhất

áp dụng pháp luật, VKSND tối cao cần khẩn trương có hướng dẫn về việc sử dụng các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ cho công tác kháng nghị của VKSND và ban hành các biểu mẫu văn bản như biên bản xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, biên bản ghi lời trình bày, quyết định trưng cầu giám định...

Hai là, trong thời gian chờ hướng dẫn của VKSND tối cao, đối với những biện pháp thu thập chứng cứ chưa được BLTTDS hướng dẫn cụ thể, VKS sử dụng biện pháp thu thập chứng cứ bằng cách vận dụng các quy định pháp luật chuyên ngành như Luật Giám định tư pháp; hoặc hướng dẫn đương sự tự trưng cầu cơ quan chuyên môn, cơ quan thẩm quyền về việc định giá tài sản (tổ chức định giá), lập vi bằng xác định hiện trạng (thông qua văn phòng thừa phát lại)...

Ba là, song song các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ này, cần đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở tận dụng thành tựu khoa học, công nghệ, sử dụng các nền tảng xã hội zalo, facebook, viber... Phát huy vai trò của các cơ quan hỗ trợ tư pháp thông qua hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề công chứng, văn phòng thừa phát lại, tổ chức định giá tài sản, văn phòng đăng ký đất đai, dịch vụ công trực tuyến... để hỗ trợ cho việc thu thập tài liệu chứng cứ phục vụ cho hoạt động xem xét kháng nghị của VKS.

Bốn là, kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTDS năm 2015 quy định rõ ràng và đầy đủ về các biện pháp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS, để dễ hiểu, áp dụng thống nhất, bảo đảm việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị của VKS và bảo đảm sự hợp lý, khách quan trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ giữa VKS và Tòa án khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền. Cụ thể là tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS năm 2015 bổ sung quy định: *“VKS thu thập tài liệu, chứng cứ theo các biện pháp được quy định tại khoản 2 Điều này³ để bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm”*.

³ Trong quy định trên, cụm từ “khoản 2 Điều này” là khoản 2 Điều 97 BLTTDS năm 2015.

Theo đó, BLTTDS cần quy định việc sử dụng các biện pháp thích hợp trong việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ mà Tòa án được tiến hành theo quy định của pháp luật, như trưng cầu giám định, xem xét tại chỗ, ghi lời trình bày của đương sự... thì VKS cũng có thẩm quyền sử dụng các biện pháp này (tất nhiên là trong trường hợp thật sự cần thiết phù hợp với điều kiện của VKS và phù hợp với tính chất của loại kháng nghị và không thể sử dụng biện pháp khác thay thế) để bảo đảm cho việc thực hiện thẩm quyền kháng nghị.

Có thể thấy, thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của VKS trong tố tụng dân sự là một trong những quyền năng cơ bản, quan trọng nhất của VKS để kiểm sát hoạt động tư pháp, nhằm khắc phục vi phạm, thiếu sót của Tòa án, bảo đảm việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực này được nghiêm chỉnh, thống nhất. Công tác này luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của đồng chí Viện trưởng VKSND tối cao thể hiện qua Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 về tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính, vụ việc dân sự, thay thế Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Vì vậy, việc nghiên cứu, bổ sung đưa ra các giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLTTDS năm 2015;
2. Luật Tổ chức VKSND năm 2014;
3. Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;
4. Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về “Chứng minh và chứng cứ” của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS.